

**BỘ XÂY DỰNG****BỘ XÂY DỰNG****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 07/2009/TT-BXD

Hà Nội, ngày 28 tháng 4 năm 2009

**THÔNG TƯ****hướng dẫn một số nội dung về lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình thủy điện Sơn La**

*Căn cứ Nghị định số 17/2008/NĐ-CP ngày 04/02/2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;*

*Căn cứ Quyết định số 207/2004/QĐ-TTg ngày 11/12/2004 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành cơ chế quản lý và thực hiện Dự án thủy điện Sơn La;*

*Căn cứ Quyết định số 11/2007/QĐ-TTg ngày 23/01/2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều về cơ chế quản lý và thực hiện Dự án thủy điện Sơn La ban hành kèm theo Quyết định số 207/2004/QĐ-TTg ngày 11/12/2004;*

*Căn cứ ý kiến chỉ đạo của Ban chỉ đạo Nhà nước Dự án thủy điện Sơn La trong Thông báo số 44/TB-BCĐNN ngày 03/11/2008, Thông báo số 49/TB-BCĐNN ngày 04/12/2008, Thông báo số 01/TB-BCĐNN ngày 05/01/2009, Thông*

*báo số 05/TB-BCĐNN ngày 05/02/2009, Thông báo số 11/TB-BCĐNN ngày 05/3/2009;*

*Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung về lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình thủy điện Sơn La như sau:*

**I. QUY ĐỊNH CHUNG**

1. Thông tư này hướng dẫn một số nội dung về lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình thủy điện Sơn La bao gồm:

1.1. Chi phí trực tiếp khác trong dự toán xây dựng công trình.

1.2. Các chi phí không thuộc chi phí trực tiếp khác trong dự toán xây dựng công trình.

1.3. Chi phí trực tiếp khác, chi phí chung và thu nhập chịu thuế tính trước

trong giá vật liệu khai thác tại công trình thủy điện Sơn La.

1.4. Chi phí vận chuyển vật liệu đến hiện trường xây dựng.

1.5. Định mức gia công, lắp dựng, tháo dỡ ván khuôn tấm lớn công trình thủy công.

1.6. Chi phí xây dựng nhà tạm tại hiện trường để ở và điều hành thi công.

1.7. Các khoản mục chi phí ngoài các khoản mục chi phí nêu trên trong Tổng mức đầu tư, tổng dự toán, dự toán của công trình thủy điện Sơn La thực hiện theo Quyết định số 207/2004/QĐ-TTg và Quyết định số 11/2007/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ và các quy định của Nhà nước tương ứng với từng thời kỳ.

## 2. Nguyên tắc lập và quản lý chi phí

Việc lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình thủy điện Sơn La thực hiện theo Quyết định số 207/2004/QĐ-TTg, Quyết định số 11/2007/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, hướng dẫn của Thông tư này, các quy định của Nhà nước tương ứng với từng thời kỳ và phải đảm bảo mục tiêu, hiệu quả đầu tư của dự án đầu tư xây dựng công trình, đảm bảo tính đúng, tính đủ, phù hợp với điều kiện thực tế và yêu cầu khách quan của công trình.

## II. QUY ĐỊNH CỤ THỂ

1. Chi phí trực tiếp khác trong dự toán xây dựng công trình.

Là chi phí cho những công tác cần thiết phục vụ trực tiếp việc thi công xây dựng công trình như di chuyển lực lượng lao động trong nội bộ công trường (không bao gồm chi phí đưa đón công nhân xây dựng từ nhà tạm tại hiện trường để ở đến hiện trường xây lắp), an toàn lao động, bảo vệ môi trường cho người lao động và môi trường xung quanh, chi phí bơm nước, vét bùn, thí nghiệm vật liệu,... không xác định được khối lượng từ thiết kế. Mức chi phí trực tiếp khác được xác định như sau:

1.1. Công tác xây dựng trong hầm thi chi phí trực tiếp khác (kể cả chi phí vận hành, chi phí sửa chữa thường xuyên hệ thống cấp nước, thoát nước, cấp gió, cấp điện, giao thông phục vụ thi công trong hầm) được tính bằng 6,5% trên tổng chi phí vật liệu, chi phí nhân công, chi phí máy thi công trong dự toán xây dựng công trình.

1.2. Đối với công tác thi công ngoài hầm thi chi phí trực tiếp khác được tính bằng 2% đối với công trình chính và 1,5% cho các công trình còn lại trên tổng chi phí vật liệu, chi phí nhân công, chi phí máy thi công trong dự toán xây dựng công trình.

2. Các chi phí không thuộc chi phí trực tiếp khác trong dự toán xây dựng công trình (xác định bằng lập dự toán chi phí theo thiết kế, quy mô, đề cương



thí nghiệm, phương án vận chuyển được duyệt).

2.1. Chi phí đầu tư ban đầu hệ thống nước kỹ thuật để thi công công trình.

2.2. Chi phí đầu tư ban đầu cho hệ thống thông gió, chiếu sáng, hệ thống điện, cấp thoát nước, giao thông phục vụ thi công trong hầm đối với các công tác thi công trong hầm.

2.3. Chi phí đầu tư ban đầu cho công tác bơm nước, bơm thoát nước hồ móng ngay sau khi ngăn sông, chống lũ, hệ thống điện 0,4kv phục vụ thi công.

2.4. Chi phí thường xuyên cho công tác bơm thoát nước hồ móng ngay sau khi ngăn sông, chống lũ.

2.5. Chi phí di chuyển lực lượng thi công đến công trình; chi phí tháo dỡ, vận chuyển, lắp đặt cần trục tháp và cần trục xích từ 200 tấn trở lên trong nội bộ công trường; duy tu bảo dưỡng hệ thống giao thông phục vụ thi công trong công trường; chi phí vận hành hệ thống điện từ điểm đấu nối hệ thống điện công trình đến trạm hạ thế cuối cùng của công trình (điểm đặt công tơ đo đếm để mua điện).

2.6. Chi phí xử lý rác thải, nước thải cho khu nhà ở tạm tại công trường.

2.7. Chi phí thí nghiệm tăng thêm của thí nghiệm thi công bê tông đầm lăn (RCC).

3. Chi phí trực tiếp khác, chi phí chung và thu nhập chịu thuế tính trước trong giá vật liệu khai thác tại công trình thủy điện Sơn La.

Đối với những loại vật liệu như: Cát, đá, đất dính và vật liệu làm lớp lọc được các đơn vị thi công khai thác, sản xuất ra thành phẩm để phục vụ thi công công trình thì được áp dụng tỷ lệ chi phí trực tiếp khác, chi phí chung và thu nhập chịu thuế tính trước để tính vào giá bán sản phẩm. Tỷ lệ cụ thể chi phí trực tiếp khác, chi phí chung và thu nhập chịu thuế tính trước được xác định như sau:

3.1. Chi phí trực tiếp khác tính bằng 1,5% trên chi phí vật liệu, chi phí nhân công, chi phí máy thi công.

3.2. Chi phí chung tính bằng 2,5% trên chi phí máy thi công.

3.3. Thu nhập chịu thuế tính trước tính bằng 3% trên chi phí trực tiếp và chi phí chung.

Biểu tổng hợp dự toán chi phí sản xuất vật liệu như phụ lục kèm theo Thông tư này.

4. Xác định chi phí vận chuyển vật liệu đến hiện trường xây dựng.

Chi phí vận chuyển được xác định trên cơ sở chủng loại vật liệu, phương án vận chuyển, địa điểm cung cấp, cấp loại đường vận chuyển, cước vận chuyển tại địa phương. Chủ đầu tư và nhà thầu

thương thảo, thỏa thuận chi phí vận chuyển để áp dụng.

5. Về định mức gia công, lắp dựng, tháo dỡ ván khuôn tấm lớn công trình thủy công để sử dụng.

Ván khuôn tấm lớn công trình thủy công là các ván khuôn có kích thước của một tấm ván khuôn từ 1,5 x 2m trở lên.

6. Chi phí nhà tạm tại hiện trường để ở và điều hành thi công (bao gồm cả chi phí đưa đón công nhân xây dựng từ nhà tạm tại hiện trường để ở đến hiện trường xây lắp, chi phí duy tu sửa chữa thường xuyên) được tính toán căn cứ vào nhu cầu cần thiết của công trình, theo tổng mặt bằng và tổng tiến độ công trình được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, nhưng

không vượt quá 2% giá trị dự toán chi phí xây dựng của công trình.

### III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 45 ngày, kể từ ngày ký và áp dụng cho công trình thủy điện Sơn La. Các hạng mục công trình, công việc đã quyết toán không áp dụng Thông tư này. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị phản ánh về Bộ Xây dựng để nghiên cứu giải quyết./.

KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG

Cao Lại Quang

## Phụ lục

(ban hành kèm theo Thông tư số 07/2009/TT-BXD ngày 28 tháng 4 năm 2009 của Bộ Xây dựng)

BIỂU TỔNG HỢP DỰ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VẬT LIỆU PHỤC VỤ  
CHO CÔNG TRÌNH THỦY ĐIỆN SƠN LA

STT	Khoản mục chi phí	Cách tính	Ký hiệu
I	Chi phí trực tiếp		
1	Chi phí vật liệu	$\sum_{j=1}^n Q_j \times D_j^{vl}$	VL
2	Chi phí nhân công	$\sum_{j=1}^n Q_j \times D_j^{nc} \times (1 + K_{nc})$	NC
3	Chi phí máy thi công	$\sum_{j=1}^n Q_j \times D_j^m \times (1 + K_{mtc})$	M
4	Chi phí trực tiếp khác	$(VL + NC + M) \times 1,5\%$	TT
	Chi phí trực tiếp	$VL + NC + M + TT$	T
II	Chi phí chung	$M \times 2,5\%$	C
III	Thu nhập chịu thuế tính trước	$(T + C) \times 3\%$	TL
	Chi phí vật liệu xây dựng trước thuế	$(T + C + TL)$	G

Trong đó:

-  $Q_j$  là khối lượng vật liệu  $j$  ( $j=1 \div n$ ) dùng để khai thác và sản xuất ra vật liệu xây dựng cho công trình.

-  $D_j^{vl}$ ,  $D_j^{nc}$ ,  $D_j^m$  là đơn giá vật liệu, nhân công, máy thi công để khai thác và sản xuất ra vật liệu xây dựng cho công trình.

+  $K_{nc}$ ,  $K_{mtc}$ : Hệ số điều chỉnh nhân công, máy thi công (nếu có).